**TUẦN 27**

**TOÁN: BÀI 31: PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ ( Tiết 1)**

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu được ý nghĩa thực tế của phép trừ (qua bài toán thực tế để hình thành phép trừ cần tính).

- Thực hiện được phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

- Biết tính nhẩm trong trường hợp đơn giản.

***2. Phát triển năng lực:***

- Giải được các bài toán tình huống thực tế liên quan tới phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

- Rèn luyện tư duy, khả năng diễn đạt khi giải các bài toán vui, trò chơi, toán thực tế,…

***3. Năng lực – phẩm chất chung:***

- Rèn luyện tính cẩn thận, nhanh nhẹn, góp phần phát triển tư duy và suy luận, năng lực giao tiếp toán học.

**II.Chuẩn bị:**

GV: Que tính, các mô hình, vật liệu, xúc xắc,.. để tổ chức trò chơi trong bài học (SGK).

HS: Đồ dùng học toán 1.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Trò chơi – Bắn tên  - Thực hiện nhanh các phép tính khi được gọi tới tên mình.  70 + 20 = ... 73 + 11 = ....  34 + 26 = ... 13+ 22 = .....  - GVNX  **2. Hình thành kiến thức mới**  **1- Giới thiệu bài** (linh hoạt qua Trò chơi)   1. **Khám phá:**   - GV cho HS quan sát tranh có 76 que tính, lấy đi 5 que tính.  - GV yêu cầu HS lấy 7 bó que tính 1 chục và 6 que tính rời.  - GV nêu: Nếu ta lấy đi 5 que tính thì chúng ta còn bao nhiêu que tính. Các em hãy thao tác trên những que tính chúng ta vừa lấy ra.  - GV nêu: Có 7 bó que tính 1 chục chúng ta giữ nguyên, chúng ta lấy ra 5 que tính lẻ tức là trừ đi 5 que. Coi những bó que tính bó thành chục là hàng chục, những que tính lẻ là hàng đơn vị. Vậy chúng ta trừ hàng đơn vị đi 5, còn hàng chục không cần trừ.  - GV hướng dẫn HS đặt phép tính trừ 76 - 5 theo hàng dọc rồi thực hiện phép tính.  - GV nêu: Viết 76 rồi viết 5 dưới 76 sao cho chục thẳng với cột chục, đơn vị thẳng với cột đơn vị, viết dấu - , kẻ vạch ngang rồi tính từ phải sang trái.   |  |  | | --- | --- | | 76 | \* 6 trừ 5 bằng 1, viết 1 | | - | \* 7 trừ 0 bằng 7, viết 7 | | 5 | Vậy: 76 – 5 = 71 | | 71 |  |   - GV yêu cầu HS đếm lại số que tính sau khi lấy đi 5 que để kiểm tra kết quả phép tính trừ.  **\* Tương tự cho VD với quả táo**  **3. Thực hành – luyện tập**  **\* Bài 1: Tính**  - Gọi HS nêu yêu cầu.  - GV gọi 4 HS lên bảng thực hiện phép tính, dưới lớp HS thực hiện vào vở.  - GV yêu cầu HS cùng bàn đổi vở kiểm tra kết quả lẫn nhau.  - Gọi HS nhận xét bài trên bảng.  - GV nhận xét.  **\* Bài 2: Đặt tính rồi tính:**  - Gọi HS nêu yêu cầu.  - GV lưu ý HS lại cách đặt tính.  - Cho HS thảo luận nhóm đôi, viết kết quả lên bảng con.  - Chiếu bài 3-4 nhóm, dưới lớp các nhóm giơ bảng con.  - Gọi HS nhận xét bài chiếu trên bảng.  - GV nhận xét, sửa sai.  **\* Bài 3: Tìm chỗ đỗ cho xe oto:**  **-** GV yêu cầu HS tính nhẩm hoặc đặt tính, viết kết quả ra giấy nháp.  - Dùng bút chì nối kết quả (chỗ đỗ cho xe oto).  - GV gọi 3-4 HS đọc kết quả.  - HS nhận xét.  - GV nhận xét.  **\* Bài 4: Giải bài tập:**  - Gọi 2 HS đọc đề bài toán.  - GV hỏi: Muốn biết trên xe buýt còn lại bao nhiêu hành khách thì các em làm phép tính gì?  - GV yêu cầu HS viết phép tính và kết quả ra vở.  - HS kiểm tra vở 1 số HS.  - GV chốt đáp án.  **4.Vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn**  - Trò chơi: Tìm kết quả nhanh và đúng  \*Ví dụ: GV nêu phép tính, Hs cài kết quả vào bảng cài.  - HSNX – GV kết luận .  - NX chung giờ học  - Dặn dò: về nhà ôn lại cách trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.  - Chuẩn bị bài: Luyện tập. | - Quản trò lên tổ chức cho cả lớp cùng chơi .  - HSNX (Đúng hoặc sai).  - HS thao tác với que tính.  - HS lấy que tính theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS đếm lại số que tính, kiểm tra so với phép trừ GV hướng dẫn.  - HS nêu yêu cầu.  - HS thực hiện.  - HS đổi vở kiểm tra kết quả.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, sửa (nếu sai).  - HS nêu yêu cầu.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận, viết kết quả.  - HS thực hiện.  - HS nhận xét.  - HS thực hiện.  - HS dùng bút chì nối.  - HS đọc kết quả.  - HS đọc to trước lớp.  - HS trả lời: Chúng ta phải thực hiện phép tính trừ.  - HS thực hiện.  - HS chơi.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**TOÁN: PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (tiết 2),**

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức:***

- Nhận biết được ý nghĩa thực tế của phép trừ (qua bài toán thực tế để hình thành phép trừ cần tính).

- Thực hiện được phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

***2. Phát triển năng lực:***

- Giải các bài toán thực tế có liên quan đến phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

***3. Năng lực – phẩm chất chung:***

- Rèn luyện tính tư duy, khả năng diễn đạt giao tiếp khi giải toán vui, trò chơi, toán thực tế.

**II. Chuẩn bị:**

GV: Que tính, mô hình.

HS: Đồ dùng học toán 1

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Hoạt động 1:**  Khởi động.  -2 HS lên đặt tính và thực hiện các phép tính trên bảng. Lớp làm bảng con.  + HS 1: 65 – 5  + HS 2: 97 – 6  - GVNX  **2.Hoạt động 2: Luyện tập**  **Bài 1: Tìm số thích hợp theo mẫu.**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài.  a) 35 – 2 = ? (Bài mẫu).  - GV hỏi: 35 – 2 ta có thể lấy 35 – 1 mấy lần?  - Gv hướng dẫn HS thực hiện  - Gọi HS nhắc lại cách tính.  b) 18 – 3 = ?  - Tương tự bài mẫu, để thực hiện được 18 – 3 ta lấy 18 trừ 1 mấy lần?  - Yêu cầu HS nêu cách tính. Gọi một vài HS nhắc lại.  - HS thực hiện  - Nhận xét  c) 16 – 4 = ?  - HS tự làm.  - GV nhận xét: Khi thực hiện tính nhẩm các phép tình trừ đơn giản, ta có thể trừ dần 1 để tìm kết quả.  **Bài 2: Đúng hay sai?**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi tự đặt tính và giải thích vì sao điền Đ, S?  - GV gọi đại diện nhóm trình bày.  - Nhận xét.  **Bài 3: Hai phép tính nào có cùng kết quả?**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV yêu cầu HS thực hiện phép tính, tìm các phép tính có cùng kết quả.  - GV hướng dẫn HS nối các phép tính cùng kết quả với nhau.  - GV nhận xét.  **Bài 4:**  - GV nêu bài toán.  - Hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - GV hướng dẫn HS tóm tắt bài.  - Để tìm số bạn thỏ, ta làm phép tính gì?  - Gọi HS đặt lời giải.  - GV nhắc lại các bước. (lời giải, phép tính, đáp số)  - HS tự thực hiện bài vào vở.  - Nhận xét.  **4: Củng cố, dặn dò**  - NX chung giờ học  - Dặn dò HS về nhà ôn lại cách trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.  - Xem bài giờ sau. | - Hs thực hiện. Lớp nhận xét, bổ sung.  - HS theo dõi  - HS trả lời: 35 – 2 ta có thể lấy 35 – 1 hai lần.  35 – 1 = 34, 34 – 1 = 33.  - HS nhắc lại.  - HS trả lời: 18 – 3 ta lấy 18 trừ 1 ba lần.  - HS nêu: 18 – 1 = 17, 17 – 1 = 16, 16 – 1 = 15. Vậy 18 – 3 = 15  - HS thực hiện.  - HS theo dõi.  - HS làm bài.  - HS theo dõi  - HS nêu  - HS thực hiện  - Đại diện nhóm trình bày:  a) Đ  b) S (sai khi trừ ở hàng chục)  c) S (sai ở đặt tính)  d) Đ  - HS theo dõi.  - HS nêu  - HS tự thực hiện  - HS nối:  98 – 3 = 96 – 1  66 – 5 = 65 – 4  77 – 7 = 76 - 6  - HS theo dõi.  - HS theo dõi.  - HS trả lời.  + Có 18 bạn rùa và thỏ, rùa 8 bạn.  + Tìm số bạn thỏ.  - HS theo dõi.  - Ta thực hiện phép trừ: 18 – 8  - HS đặt lời giải: Số bạn thỏ có là:  - HS nhắc: (lời giải, phép tính, đáp số).  - HS thực hiện  Bài giải:  Số bạn thỏ có là:  18 – 8 = 10 (bạn thỏ)  Đáp số: 10 bạn thỏ.  - HS thực hiện.  - Hs theo dõi. |
|

**TOÁN: PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (T 3),**

**I.Mục tiêu:**

***1. Kiến thức:***

- Nhận biết được ý nghĩa thực tế của phép trừ (qua bài toán thực tế để hình thành phép trừ cần tính).

- Thực hiện được phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

***2. Phát triển năng lực:***

- Giải các bài toán thực tế có liên quan đến phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

***3. Năng lực – phẩm chất chung:***

- Rèn luyện tính tư duy, khả năng diễn đạt giao tiếp khi giải toán vui, trò chơi, toán thực tế.

**II.Chuẩn bị:**

GV: Que tính, mô hình.

HS: Đồ dùng học toán 1

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.**  **Khởi động.**  -Gọi HS thực hiện tính nhẩm:  + HS 1: 67 – 4  + HS 2: 55 – 2  + HS khác nhận xét, nêu cách tính.  - GVNX  **2. Luyện tập – thực hành**  **Bài 1: Đặt tính rồi tính.**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài.  - Nhắc HS chú ý đặt thẳng cột.  - Lớp thực hiện bảng con.  - Nhận xét mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.  **Bài 2: Số?**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, tự thực hiện phép cộng, trừ theo sơ đồ và tìm số thích hợp điền vào mỗi ô.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày.  - Nhận xét.  **Bài 3: Diều nào ghi phép tính có kết quả lớn hơn 55?**  - Gọi HS nêu yêu cầu.  - GV cho HS tính nhẩm tìm kết quả phép tính.  - Gọi HS trình bày.  - GV hỏi: Diều nào có kết quả lớn hơn 55?  - GV nhận xét.  **Bài 4:**  - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - GV nêu bài toán.  - Hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - Để tìm số quả còn lại, ta làm phép tính gì?  - Yêu cầu HS tính và điền phép tính vào ô trống cho phù hợp.  - GV nhận xét.  **3. Vận dụng kiến thức vào thực tiễn**  **Trò chơi: Lấy đồ chơi nào?**  - Gv nêu cách chơi: Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử ra 6 bạn, khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Đếm số chấm nhận được ở trên mặt xúc xắc. Lấy 49 trừ đi số nhận được. Lấy đồ chơi ghi số bằng kết quả phép tính. Trò chơi kết thúc khi lấy được 6 đồ chơi.  - Tổ chức cho HS chơi  - GV nhận xét trò chơi.  - NX chung giờ học  **\* Dặn dò:**  - HS về nhà ôn lại cách trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.  - Xem bài giờ sau. | - Hs thực hiện. Lớp nhận xét, bổ sung.  - HS theo dõi  - HS đọc yêu cầu  - HS theo dõi.  - HS làm bài.  - HS theo dõi.  - HS nêu: Tìm số thích hợp điền vào mỗi ô trống.  - HS thực hiện nhóm  - Đại diện nhóm trình bày:  a) 57, 53  b) 49, 42  - HS theo dõi.  - HS nêu  - HS thực hiện  - HS trình bày:  59 – 2 = 57, 59 – 6 = 53  59 – 9 = 50, 58 – 3 = 55  - HS trả lời: Diều màu vàng có kết quả lớn hơn 55.  - HS theo dõi.  - HS trả lời: Bài tập yêu cầu điền phép tính vào ô trống cho phù hợp.  - HS theo dõi.  - HS trả lời:  + Cây dừa có 48 quả, hái xuống 5 quả.  + Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu quả?  - Ta thực hiện phép trừ: 48 – 5  - HS thực hiện: 48 – 5 = 43  - HS theo dõi.  - HS theo dõi.  - HS chơi trò chơi.  - HS theo dõi. |

**TIẾNG VIÊT: BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG**

**Bài 1 : KIẾN VÀ CHIM BỒ CÂU**

**I. Mục tiêu:**

Giúp HS :

1.Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rủ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, có lời thoại : hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB ; quan sát,nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc: hoàn thiện cấu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng cầu đã hoàn thiện: nghe viết một đoạn ngắn .

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : ý thức giúp đỡ lẫn nhau khi hoạn nạn , khả năng làm việc nhóm , khả năng nhận ra những vần đề đơn giản và đặt câu hỏi

**II .Chuẩn bị:**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm đặc điểm của truyện ngụ ngôn ( mượn chuyện loài vật để nói về việc đời , nhằm thể hiện những bài học về đạo lí và kinh nghiệm sống ) ; nắm được nội dung của VB Kiến và chim bồ câu , cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện . Ê - dốp , La Phông - ten và Lép Tôn - xtôi là những tác giả của những câu chuyện ngụ ngôi nổi tiếng trên thế giới . Các câu chuyện này từ lâu đã được dịch sang tiếng Việt Nhiều câu chuyện mang tính nhân văn và tính giáo dục cao , đã được sử dụng nhiều trong các sách giáo khoa của Việt Nam . Kiến và clit bố cấu của E dốp là một trong những câu chuyện đó

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( vùng vẫy , nhanh trí , thợ săn ) và Cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này

2. Phương tiện dạy học Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp máy chiếu,màn hình

**III. Các hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:**  **-** GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm về hành động của những người trong tranh  Hỏi : Những người trong tranh đang làm gì ?  - GV đưa ra những gợi ý để HS trả lời câu hỏi  GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài đọc Kiến và chim bồ câu.  Trước khi đọc văn bản , GV có thể cho HS dựa vào nhan để và tranh minh hoạ để suy đoán một phần nội dung của văn bản , Chú ý đến các nhân vật trong truyện và mối quan hệ giữa các nhân vật đó.  **2.Đọc**  - GV đọc mẫu toàn VB Kiến và chim bồ câu . Chú ý đọc đúng lời người kế và lời nhân vật . Ngắt giọng , nhấn giọng đúng chỗ .  HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS ( vùng vẫy, nhanh trí , giật mini , ... ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lân 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài . ( VD : Nghe tiếng kêu cứu của kiến , bồ câu nhanh trí nhặt một chiếc lá / thả xuống nước ; Ngay lập tức , / nó bò đến cắn vào chân anh ta . ) HS đọc đoạn .  + GV chia VB thành các đoạn ( đoạn 1 : từ đầu đến leo được lên bờ ; đoạn 2 : tột hôm đến liền bay đi ; đoạn 3 : phần còn lại ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn , 2 lượt . GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài , ( vùng vẫy : hoạt động liên tiếp để thoát khỏi một tình trạng nào đó : nhanh trư : suy nghĩ nhanh , ứng phó nhanh ; thợ săn : người chuyên làm nghề săn bắt thủ rừng và chim )  + HS đọc đoạn theo nhóm , HS và GV đọc toàn VB .  +1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB .  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi . | HS quan sát tranh và trao đổi nhóm về hành động của những người trong tranh  - Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nểu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác ,  HS đọc câu  HS đọc đoạn  1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3.Trả lời câu hỏi**  GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời : câu hỏi  a . Bồ câu đã làm gì để cứu kiến ?  b . Kiến đã làm gì để cứu bồ câu?  c . Em học được điều gì từ cầu chuyện này  . GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình . Các nhóm khác nhận xét , đánh giá . GV và HS thống nhất câu trả lời . ( a . Bồ câu nhanh trí nhặt một chiếc lá thả xuống nước để cứu kiến ; b , Kiến bò đến cắn vào chân người thợ săn . C. Câu trả lời mở , VD : Trong cuộc sống cần giúp đỡ nhau , nhất là khi người khác gặp hoạn nạn , ... )  **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3**  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b ( có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát ) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở . ( Kiến bò đến chỗ người thợ săn và cắn vào cản anh ta ) .  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu ; đặt dấu chấm đúng vị trí .  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS | HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời : câu hỏi  HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi  HS quan sát và viết câu trả lời vào vở |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5.Chọn từ ngữ để hoàn thiện cầu và viết câu vào vở**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả . GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh .  a . Nam nhanh trí nghĩ ngay ra lời giải cho câu đố ;  b . Ông kể cho em nghe một câu chuyện cảm động .  GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở  GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS  **6. Kể lại câu chuyện Kiến và chim bồ câu**  - GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh trong SGK . GV gợi ý cho HS có thể chia nội dung câu chuyện Kiến và chim bồ của thành 4 đoạn nhỏ ( tương ứng với 4 tranh ) dựa vào đó để kể lại toàn bộ câu chuyện :  + Kiến gặp nạn  + Bồ câucứu kiến thoát nạn  + Người thợ săn ngắm bắn chim bồ câu và kiến cứu chim bồ câu thoát nạn  + Hai bạn cảm ơn nhau .  - GV chia lớp thành các nhóm ( tuỳ thuộc số lượng HS trong lớp ) , yêu cầu các nhóm cùng xây dựng nội dung câu chuyện và mỏi bạn trong nhóm kể lại cho cả nhóm nghe câu chuyện đó .  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm kể câu chuyện trước lớp . Các nhóm khác bổ sung , đánh giá . GV nhắc lại bài học của câu chuyện Kiến và chim bồ câu để kết thúc buổi học : cần giúp đỡ những người khác khi họ gặp hoạn nạn ( Cần giúp đỡ nhau trong hoạn nạn . ) | HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu  HS quan sát các bức tranh trong SGK    Các nhóm cùng xây dựng nội dung câu chuyện và mỏi bạn trong nhóm kể lại cho cả nhóm nghe câu chuyện đó |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết**  - GV đọc to cả đoạn văn . ( Nghe tiếng kêu cứu của kiến , bố cấu nhanh trí nhặt chiếc lá thả xuống nước Kiển bám vào chiếc lá và leo được lên bờ . )  GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn viết .  + Viết lùi đầu dòng , Viết hoa chữ cái đầu cấu , kết thúc câu có dấu chấm .  + Chữ dễ viết sai chính tả : tiếng , kiến , nhanh , xuống , nước .  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .  Đọc và viết chính tả :  + GV đọc từng câu cho HS viết . Mồi câu cần đọc theo từng cụm tử ( Nghe tiếng kêu cứu của kiến , bổ càu nhanh tri nhặt chiếc lá thả xuống nước . / Kiến bám vào chiếc lá và leo được lên bờ . ) . Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần , GV cần đọc rõ ràng , chậm rãi , phù hợp với tốc độ viết của HS .  + Sau khi HS viết chính tả , GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi .  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS **8.Tìm trong hoặc ngoài bài đọc Kiến và chim bồ câu từ ngữ có tiếng chứa vẫn**  GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài . HS làm việc nhóm đôiđể tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần ăn , ăng , oat , oăt .  HS nêu những từ ngữ tìm được . GV viết những từ ngữ này lên bảng .  Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần , đọc trơn ; mỗi HS chi đọc một số từ ngữ . Lớp đọc đồng thanh một số lần .  **9. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói: Việc làm của người thợ săn là đúng hay sai ? Vì sao ?**  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh .  - GV gợi ý cho HS trả lời các câu hỏi để nói theo tranh .  Em nhìn thấy gì trong tranh ?  Em nghĩ gì về hành động của người thợ săn ?  Vì sao em nghĩ như vậy ?  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dung các từ ngữ đã gợi ý .  GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh . Các nội dung nói theo tranh có thể là :  + Trả lời cho câu hỏi : Em nghĩ gì về hành động của người thợ săn ( không yêu loài vặt : phá hoại môi trường thiên nhiên )  + Trả lời cho câu hỏi : Vì sao em nghĩ như vậy ? ( Chim hót đánh thức em vào mỗi buổi sằng ; Chim là bạn của trẻ em ; Chim ăn sâu bọ phá hại mùa màng ... )  HS và GV nhận xét .  **10. Củng cố**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học . GV tóm tắt lại những nội dung chỉnh  GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học .  - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS | HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .  HS viết  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi  HS làm việc nhóm đôiđể tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần ăn , ăng , oat , oăt .  HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dung các từ ngữ đã gợi ý  . HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) . |

**TIẾNG VIỆT: Bài 2 : CÂU CHUYỆN CỦA RỄ**

**I. Mục tiêu:**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng.rõ ràng một bài thơ, hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ , nhận biết một số tiếng củng vần với nhau , củng cố kiến thức về văn ; thuộc lòng một số khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ , quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh . 3. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : đức tinh khiêm nhường , khả năng làm việc nhóm ; khả năng nhận ra những vần đề đơn giản và đặt câu hỏi .

**II. Chuản bị:**

1. Kiến thức ngữ văn GV nắm được đặc điểm vận , nhịp và nội dung của bài thơ Câu chuyện của rẽ ; nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài thơ ( sắc thẳm , trĩu , chổi , khiêm nhường ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Phương tiện dạy học Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp máy chiếu,màn hình.

**III Hoạt động dạy học**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó  - Khởi động  + GV yểu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi .  a . Cây có những bộ phận nào ?  b.Bộ phận nào của cây khó nhìn thấy ? Vì sao + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài thơ Câu chuyện của rễ .  + Trước khi dọc văn bản , GV có thể cho HS dựa vào tên bài thơ và tranh minh hoạ để suy đoán một phần nội dung của văn bản .  **2.Đọc**  GV đọc mẫu toàn bài thơ.Chú ý đọc diễn cảm , ngắt nghỉ đúng nhịp thơ .  HS đọc từng dòng thơ  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1. GV hướng dẫn HS luyện đọc một số tử ngữ có thể khó đối với HS ( sắc thắm , trĩu , chối , khiêm nhường , lặng lẽ ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2. GV hướng dẫn HS cách đọc , ngắt nghỉ đúng dòng thơ , nhịp thơ .  - HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ .  + Một số HS đọc nối tiếp từng khố , 2 lượt .  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ ( sắc thắm : màu đậm và tươi ( thường nói về màu đỏ ) ; trĩu : bị sa hoặc cong oằn hẳn xuống vì chịu sức nặng quà trĩu cành nghĩa là quá nhiều và nặng làm cho cành bị cong xuống ) ( GV nên dùng hinh minh hoạ ) ; chối : phần ở đầu ngọn cây cảnh hoặc mọc ra từ rễ , về sau phát triển thảnh cành hoặc cây ( GV nên dùng hình minh hoạ ) ; khiêm nhường : khiêm tốn , không giành cái hay cho mình mà sẵn sàng nhưởng cho người khác ) .  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm .  + Một số HS đọc khổ thơ , mỏi HS đọc một khổ thơ . Các bạn nhận xét , đỉnh giả . HS đọc của bài thơ  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ .  **2.Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng củng vần với nhau ở cuối các dòng thơ .  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả . GV và HS nhận xét , đánh giá . GV và HS thống nhất câu trả lời ( cảnh - xanh ; lời - đời ; bé – lễ ) . | HS nhắc lại  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác .  HS đọc câu  HS đọc đoạn  1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB  HS viết những tiếng tìm được vào vở .  HS trình bày kết quả |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Trả lời câu hỏi**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi .  a.Nhờ có rễ trà hoa , quả , là như thế nào ?  b.Cây sẽ thế nào nếu không có rễ ?  c.Những từ ngữ nào thể hiện sự đáng quý của rễ ?  -.GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời . Các bạn nhận xét . đánh giá . GV và HS thống nhất câu trả lời . a . Rễ chìm trong đất để cho hoa nở đẹp quả trĩu cành , lá biếc xanh  b.Nếu không có rễ thì cây chẳng đâm chồi , chẳng ra trái ngọt , chẳng nở hoa tươi ;  c . khiêm nhường , lặng lẽ  **5.Học thuộc lòng**  - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu hai khổ thơ cuối .  - Một HS đọc thành tiếng hai khổ thơ cuối .  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ cuối bằng cách xóa che dần một số từ ngữ trong hai khố thes này cho đến khi xuả che hết . HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoái che dần . Chủ ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng hai khổ thơ cuối .  **6. Nói về một đức tính em cho là đáng quý**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm , mỗi HS nêu ý kiến của mình .  - Một số HS nói trước lớp .  - GV và HS nhận xét , đánh giá, Cần tạo không khí cởi mở, tôn trọng ý kiến riêng của từng cá nhân  **7. Củng cố**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học GV tóm tắt lại những nội dung chính -GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học  - GV nhận xét, khen ngợi , động viên HS | HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi  HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi  HS học thuộc lòng hai khổ thơ  HS thảo luận nhóm , mỗi HS nêu ý kiến của mình  HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

**TIẾNG VIỆT: Bài 3: CÂU HỎI CỦA SÓI**

**I. Mục tiêu:**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng và rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, có lời thoại : hiểu và trả lời đúng các câu hỏi liên quan đến VB ; quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc: hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng cầu đã hoàn thiện: nghe viết một đoạn ngắn

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung: yêu quý mọi người và sự quan tâm, cảm thông giữa con người và con người trong cuộc sống , khả năng làm việc nhóm khá năng nhận ra những vần để đơn giản và đặt câu hỏi

**II. Chuẩn bị:**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của truyện ngụ ngôn , mượn chuyện loài vật để nói về việc đời, nhằm thể hiện những bài học về đạo lí và kinh nghiệm sống ; nắm được nội dung của VB Câu hỏi của sỏi, cách thể hiện đặc điểm nhằn vặt và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện .

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( ngái ngủ, van nài, nhảy tót, gây gô ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu, màn hình.

**III. Hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về điều thú vị học được từ bài học đó.  Khởi động :  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi .  a.Các con vật trong tranh đang làm gì ?  b.Em thấy các con vật này thế nào ?  - GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài đọc Câu hỏi của sói . " Trước khi đọc văn bản , GV có thể cho HS dựa vào nhan để và tranh minh họa để suy đoán một phần nội dung của văn bản . Chú ý đến quan hệ giữa các con vật thể hiện qua hai bức tranh khác nhau ( bức tranh vẽ cảnh các con vật rất vui vẻ với nhau và bức tranh vẽ sói trông rất hung dữ , còn Sóc trông rất sợ hãi )  **2. Đọc**  GV đọc mẫu toàn VB . Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật . Ngắt giọng , nhân giọng đúng chỗ .  HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS như van nghi , lúc nào , lên , buồn  + HS đọc nối tiếp từng câu lẩn 2. GV luyện HS đọc những câu dài . ( VD : Một chủ sóc đang chuyển trên cành cây bỗng trượt chân rơi trúng đấu lão sói đang ngải ngà ; Còn chúng tôi lúc nào cũng vui vì chúng tôi có nhiều bạn tốt . )  HS đọc đoạn  + GV chĩa VB thành các đoạn ( đoạn : 1 : từ đầu đến rồi tôi sẽ nổi , đoạn 2 : phần còn lại ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp ( 2 - 3 lượt ) .  + GV giải thích nghĩa một số từ ngữ khó trong bài ( gái ngủ : chưa hết buồn ngủ hoặc chưa tỉnh táo hơn sau khi vừa ngủ dậy ; van nài ; nói bằng giọng khẩn khoản , Cầu xin ; nhảy tót : nhảy bằng động tác rất nhanh lên một vị trí cao hơn , gây gổ : gây chuyện cải cọ , xô xát với thái độ hung hãn ) .  + HS đọc đoạn theo nhóm ( nhỏ đói ) . HS và GV đọc toản VB  +1 - 2 HS đọc thành tiếng cả VB  + GV đọc toàn VB và chuyển sang phần trả lời câu hỏi  . | HS nhắc lại  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác .  HS đọc câu  HS đọc đoạn  1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3 , Trả lời câu hỏi**  GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi .  a . Chuyện gì xảy ra khỉ sóc đang chuyển trên cảnh cây ?  b. Sói hỏi sóc điều gì ?  c.Vì sao sỏi lúc nào cũng cảm thấy buồn bực  GV và HS thống nhất câu trả lời .  a. Khi đang chuyển trên cành cây , sóc trượt chân rơi trúng đấu lão sói ;  b , Sói hỏi óc vì sao họ nhà sóc cứ nhảy nhót vui đùa suốt ngày , còn sói thì lúc nào cũng thấy buồn bực ;  c , Sỏi lúc nào cũng cảm thấy buồn bực vì sói không có bạn bè .  **4.Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3**  GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c ( có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát ) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở ( Sói lúc nào cũng cảm thấy buồn bực vì sói không có bạn về . )  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu , đặt dấu chấm đúng vị trí . GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi . GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình . Các nhóm khác nhận xét , đánh giá  HS quan sát ) và viết câu trả lời |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5.Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu . GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả .  - GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh . ( a . Mấy chú chim sẻ đang nhảy nhót trên cành cày : b.Người nào hay gây gổ thì sẽ không có bạn bè . )  GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở .  GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS  **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh .  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và nói nội dung tranh theo các từ dã gợi ý . GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh .  - HS và GV nhận xét . | HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu  HS làm việc nhóm,quan sát tranh và nói nội dung tranh theo các từ dã gợi ý |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết**  GV đọc to cả đoạn văn . ( Sói luôn thấy buồn bực vì sói không có bạn bè . Còn sóc lúc nào cũng vui vẻ vị sóc có nhiều bạn tốt . )  - GV lưu ý HS một số văn đề chính tả trong đoạn viết :  + Viết lại đầu dòng . Viết hoa chữ cái đầu cầu , kết thúc câu cỏ châm ,  + Chữ dể viết sai chính tả : sói , sóc , vui vẻ , ... GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .  Đọc và viết chính tả :  + GV đọc từng câu cho HS viết . Mỗi cầu cần đọc theo từng cụm tử ( Sôi luôn thấy buồn bực vi sói không có bạn bè . Còn sóc / lúc nào cũng vuỉ về , vì sở có nhiều bạn tốt ) . Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần . GV đọc rõ ràng , chậm rãi , phù hợp với tốc độ viết Của HS ,  + Sau khi HS viết chính tả , GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi .  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi .  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS 8.**Chọn dấu thanh phù hợp thay cho chiếc lá**  - GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu .  - GV nêu nhiệm vụ . HS làm việc nhóm đôi để tìm dấu thanh phù hợp  **9. Giải ô chữ Đi tìm nhân vật**  - GV hướng dẫn HS giải đố .  . Tên nhân vật cần tìm xuất hiện ở cột dọc là SOC   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | C | H | I | M | S | Â | U | |  |  | C | H | Ó |  | | | | |  | | C | Ú | M | È | O | |  |  |  | |  |  |  |  |  |   **10. Củng cố**  GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học .  GV tóm tắt lại những nội dung chỉnh .  GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học ,  - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS | HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .  HS viết  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi  - Một số ( 2 - 3 ) HS lên trình bày kết quả trước lớp ( có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng ) .  - Một số HS đọc to các từ ngữ . Sau đó , cả lớp đọc đồng thanh một số lần  - HS đọc từng câu đố .  HS viết kết quả giải đố vào vở  - HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu,thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) . |

**HĐTN: BÀI 18: EM THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

**I.Mục tiêu:** HS có khả năng:

**1.Kiến thức**:

- Biết được những hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi

**2.Năng lực**:

- Tích cực tham gia một số hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi

**3.Phảm chất**:

- Có ý thức trách nhiệm với xã hội; biết yêu thương, chia sẻ với mọi người

**II.Chuẩn bị:**

1. **Giáo viên**: - Thiết bị phát nhạc, bài hát *Sức mạnh của nhân đạo* (sáng tác: Phạm Tuyên)
2. **Học sinh**: - Thẻ học tập

**III.Các phương pháp và hình thức dạy học**

-Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**IV.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  -GV tổ chức cho HS nghe hát tập thể bài *Sức mạnh của nhân đạo*  **2.Khám pha – Kết nối**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu lợi ích của một số hoạt động xã hội và xác định những hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi**  -GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh trả lời câu hỏi:  +Những hoạt động xã hội trong tranh đem lại lợi ích gì?  +Ở lứa tuổi các em có thể tham gia hoạt động xã hội nào?  -Mời đại diện nhóm trình bày, đưa ra phương án trả lời  -**Kết luận:** Những hoạt động trong tranh sẽ giúp chia sẻ bớt khó khăn với những người nhận được sự giúp đỡ. Những việc như dọn vệ sinh, nhổ cỏ ở khu di tích, quyên góp tiền để trùng tu di tích,… sẽ góp phần làm đẹp, giữ gìn khu di tích. Em sẽ cảm thấy cuộc sống của mình ý nghĩa hơn khi tham gia các hoạt động xã hội. Ở lứa tuổi các em có thể tham gia một số hoạt động xã hội như: tặng sách, truyện, quần áo cũ, quyên góp tiền để ủng hộ bạn nghèo; nhổ cỏ, nhặt rác ở các khu di tích.  **Hoạt động 2: Chia sẻ những hoạt động xã hội em biết hoặc đã từng tham gia**   * **Bước 1: Làm việc theo nhóm**   -GV yêu cầu HS chia sẻ với bạn bên cạnh theo câu hỏi:  +Đã bao giờ em giúp đỡ người khác chưa? Đó là việc gì?  +Khi đó em cảm thấy thế nào?   * **Bước 2: Làm việc chung cả lớp**   -GV lấy tinh thần xung phong của các cặp HS chia sẻ kết quả thảo luận  -HS trả lời, GV nhận xét, khen ngợi HS  **3.Củng cố - Dặn dò:**  -Nhận xét tiết học  -Dặn dò chuẩn bị bài sau | -HS tham gia  -Hs làm việc nhóm, trả lời câu hỏi  -Đại diện nhóm trình bày  -HS lắng nghe  -  Làm việc nhóm đôi  -Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bạn  -HS lắng nghe |

**HĐTN: SINH HOẠT TẬP THỂ**

**I.Mục tiêu:**

**1.Kiến thức**:

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 7 “Tham gia hoạt động cộng đồng”

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

**2.Năng lực**:

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

**3.Phảm chất**:

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II.Chuẩn bị:**

- GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…

- HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau:**  **a. Sơ kết tuần học**  \* Cách thức tiến hành:  - Lớp trưởng mời các tổ trưởng lên báo cáo tình hình học tập của tổ mình về tất cả các môn học trong tuần.  - Lớp trưởng tiếp tục mời lớp phó học tập và lớp phó văn thể mĩ báo cáo tình hình của lớp.  - Lớp trưởng mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.GV chủ nhiệm nêu nhận xét chung về ưu, khuyết điểm và đề nghị lớp trưởng điều khiển các tổ vạch ra biện pháp khắc phục những hạn chế.  **b. Kế hoạch tuần tới.**  - Lớp trưởng tiếp tục mời các tổ trưởng báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các tổ.  **3. Sinh hoạt theo chủ đề**  Gv tổ chức HS góp giấy vụn/ vỏ chai lọ, GV thu nhận và khen ngợi tinh thần tham gia của HS  **4.Đánh giá**  **a.Cá nhân tự đánh giá**  GV HD HS tự đánh giá theo các mức độ dưới đây:  -Tốt: Thực hiện tốt các yêu cầu sau:  +Biết được những hoạt động xã hội em có thể tham gia  +Tham gia hoạt động Em làm kế hoạch nhỏ ở lớp, ở trường  - Đạt:Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên  - Cần cố gắng: Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên, chưa thể hiện rõ, chưa thường xuyên  **b. Đánh giá theo tổ/ nhóm**  - GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung :  +Có tham gia hoạt động Em làm kế hoạch nhỏ ở lớp, ở trường hay không  +Thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, có trách nhiệm,… hay không  **c. Đánh giá chung của GV**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **5. Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | - Lớp trưởng lên điều khiển.  - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo về tổ mình. Sau khi báo cáo mời các bạn cho ý kiến.  -HS theo dõi HS chia sẻ, lắng nghe, nhận xét.  -HS theo dõi, lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - Các tổ trưởng thảo luận trong tổ đưa ra biện pháp khắc phục và chia sẻ trước lớp.  - Các tổ trưởng lần lượt nêu kế hoạch của tổ mình trong tuần tới.  - HS tham gia  -HS tự đánh giá.  -HS đánh giá lẫn nhau.  -HS thực hiện.  HS lắng nghe thực hiện |